

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM LÀM THÊM Ở NHÀ – KHTN 7**CHỦ ĐỀ 7****BÀI 22. VAI TRÒ CỦA TẾ BÀO VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG**

Câu 1: Chất nào sau đây không được dùng làm nguyên liệu cho quá trình chuyển hóa các chất trong tế bào?

- A. Carbon dioxide.
- B. Oxygen.
- C. Nhiệt.
- D. Tinh bột.

Câu 2: Nguồn năng lượng cơ thể sinh vật giải phóng ra ngoài môi trường dưới dạng nào là chủ yếu?

- A. Cơ năng.
- B. Động năng.
- C. Hóa năng.
- D. Nhiệt năng.

Câu 3: Quá trình trao đổi chất là:

- A. Quá trình cơ thể lấy các chất từ môi trường, biến đổi chúng thành các chất cần thiết cho cơ thể, cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống, đồng thời thải các chất thải ra môi trường.
- B. Quá trình cơ thể trực tiếp lấy các chất từ môi trường sử dụng các chất này cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống, đồng thời thải các chất thải ra môi trường.
- C. Quá trình cơ thể lấy các chất từ môi trường, biến đổi chúng thành các chất cần thiết cho cơ thể.
- D. Quá trình biến đổi các chất trong cơ thể cơ thể thành năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống, đồng thời thải các chất thải ra môi trường.

Câu 4: Quang hợp là quá trình biến đổi

- A. Nhiệt năng được biến đổi thành hóa năng
- B. Quang năng được biến đổi thành nhiệt năng
- C. Quang năng được biến đổi thành hóa năng
- D. Hóa năng được biến đổi thành nhiệt năng

Câu 5: Dựa vào kiểu trao đổi chất, người ta chia sinh vật thành 2 nhóm. Đó là

- A. nhóm sinh vật tự dưỡng và nhóm sinh vật hoại dưỡng.
- B. nhóm sinh vật tự dưỡng và nhóm sinh vật dị dưỡng.
- C. nhóm sinh vật dị dưỡng và nhóm sinh vật hoại dưỡng.
- D. nhóm sinh vật dị dưỡng và nhóm sinh vật hóa dưỡng.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể?

- A. Tạo ra nguồn nguyên liệu cấu tạo nên tế bào và cơ thể.
- B. Sinh ra nhiệt để giải phóng ra ngoài môi trường.
- C. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
- D. Tạo ra các sản phẩm tham gia hoạt động chức năng của tế bào.

Câu 7: Quá trình trao đổi chất của con người thải ra môi trường những chất nào?

- A. Khí carbon dioxide, nước tiểu, mồ hôi.
- B. Khí oxygen, nước tiểu, mồ hôi, nước mắt.
- C. Khí oxygen, khí carbon dioxide, nước tiểu.
- D. Khí oxygen, phân, nước tiểu, mồ hôi.

Câu 8: Sinh vật có thể tồn tại, sinh trưởng, phát triển và thích nghi với môi trường sống là nhờ có quá trình nào?

- A. Quá trình trao đổi chất và sinh sản.
- B. Quá trình chuyển hóa năng lượng.
- C. Quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.
- D. Quá trình trao đổi chất và cảm ứng.

Câu 9: Chất nào sau đây là sản phẩm của quá trình trao đổi chất được động vật thải ra môi trường?

- A. Oxygen.
- B. Carbon dioxide.
- C. Chất dinh dưỡng.
- D. Vitamin.

Câu 10: Quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể sinh vật

- A. phát triển kích thước theo thời gian
- B. tồn tại, sinh trưởng, phát triển, sinh sản, cảm ứng và vận động
- C. tích lũy năng lượng
- D. vận động tự do trong không gian

Câu 11: Trong quá trình trao đổi chất, luôn có sự

- A. giải phóng năng lượng.
- B. tích lũy (lưu trữ) năng lượng.
- C. giải phóng hoặc tích lũy năng lượng.
- D. phản ứng dị hóa.

Câu 12: Trong các sinh vật sau, nhóm sinh vật nào có khả năng tự dưỡng?

- A. Tảo, cá, chim, rau, cây xà cừ.
- B. Tảo, nấm, rau, lúa, cây xà cừ.
- C. Con người, vật nuôi, cây trồng.
- D. Tảo, trùng roi xanh, lúa, cây xà cừ.

Câu 13: Quá trình trao đổi chất và năng lượng diễn ra ở những loài sinh vật nào?

- A. Động vật
- B. Thực vật
- C. Vi sinh vật
- D. Cả A, B và C

Câu 14: Cho các chất sau:

1. Oxygen
2. Carbon dioxide
3. Chất dinh dưỡng
4. Nước uống
5. Năng lượng nhiệt
6. Chất thải

Trong quá trình trao đổi chất ở người, cơ thể người thu nhận những chất nào?

- A. 1, 2, 3, 4, 5.
- B. 1, 2, 3, 4.
- C. 1, 3, 4, 5.
- D. 1, 3, 4.

Câu 15: Trong quá trình quang hợp, cây xanh chuyển hóa năng lượng ánh sáng mặt trời thành dạng năng lượng nào sau đây?

- A. Cơ năng.
- B. Quang năng.
- C. Hóa năng.
- D. Nhiệt năng.

Câu 16: Chọn phát biểu đúng. Trao đổi chất ở sinh vật là gì?

- A. Sự trao đổi các chất giữa cơ thể với môi trường giúp sinh vật phát triển.
- B. Quá trình biến đổi vật lí của các chất từ thể rắn sang thể lỏng trong cơ thể sinh vật.
- C. Tập hợp các biến đổi hóa học trong tế bào cơ thể sinh vật và sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường đảm bảo duy trì sự sống.
- D. Quá trình biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác, giúp sinh vật lớn lên, phát triển và sinh sản.

Câu 17: Quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng tạo ra ... cung cấp cho các hoạt động của cơ thể.

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.

- A. Hóa năng
- B. Nhiệt Năng
- C. Động năng
- D. Năng lượng

Câu 18: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng có vai trò quan trọng đối với

- A. sự chuyển hóa của sinh vật.
- B. sự biến đổi các chất.
- C. sự trao đổi năng lượng.
- D. sự sống của sinh vật.

Câu 19: Có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về quá trình trao đổi chất ở sinh vật?

(1) Chuyển hóa các chất ở tế bào được thực hiện qua quá trình tổng hợp và phân giải các chất.

(2) Chuyển hóa các chất luôn đi kèm với giải phóng năng lượng.

(3) Trao đổi chất ở sinh vật gồm quá trình trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và chuyển hóa các chất diễn ra trong tế bào.

(4) Tập hợp tất cả các phản ứng diễn ra trong và ngoài cơ thể được gọi là quá trình trao đổi chất.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 20: Quá trình hấp thu khí oxygen và thải ra khí carbon dioxide được diễn ra tại hệ cơ quan nào trong cơ thể?

- A. Hệ tuần hoàn.
- B. Hệ hô hấp.
- C. Hệ tiêu hóa.
- D. Hệ thần kinh.

BÀI 23. QUANG HỢP Ở THỰC VẬT

Câu 1: Sản phẩm của quang hợp là

- A. nước, carbon dioxide.
- B. ánh sáng, diệp lục.
- C. oxygen, glucose.
- D. glucose, nước.

Câu 2: Quang hợp là quá trình

- A. thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như nước, khí carbon dioxide, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí oxygen.
- B. thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như nước, khí oxygen, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí carbon dioxide.
- C. thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất hữu cơ từ các chất vô cơ như chất khoáng, khí oxygen, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí carbon dioxide.
- D. thu nhận và chuyển hóa năng lượng ánh sáng, tổng hợp nên các chất vô cơ từ các chất hữu cơ như nước, khí carbon dioxide, diễn ra ở tế bào có chất diệp lục, đồng thời thải ra khí oxygen.

Câu 3: Đặc điểm nào của lá giúp lá nhận được nhiều ánh sáng?

- A. Phiến lá có dạng bản mỏng.
- B. Lá có màu xanh.
- C. Lá có cuống lá.
- D. Lá có tính đối xứng.

Câu 4: Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là

- A. rễ cây.
- B. thân cây.

- C. lá cây.
- D. hoa.

Câu 5: Nguồn gốc của oxi thoát ra từ quang hợp là:

- A. từ phân tử nước H_2O
- B. từ Glucose
- C. từ phân tử CO_2
- D. từ phân tử ATP

Câu 6: Trên thực tế, để thích nghi với điều kiện sống tại môi trường sa mạc, lá của cây xương rồng đã biến đổi thành gai. Vậy cây xương rồng quang hợp chủ yếu bằng bộ phận nào sau đây?

- A. Lá cây.
- B. Thân cây.
- C. Rễ cây.
- D. Gai của cây.

Câu 7: Nguyên liệu của quá trình quang hợp gồm

- A. khí oxygen và glucose.
- B. glucose và nước.
- C. khí carbon dioxide, nước và năng lượng ánh sáng.
- D. khí carbon dioxide và nước.

Câu 8: Cây xanh tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ nhờ sử dụng năng lượng ánh sáng trong quá trình nào sau đây?

- A. Hóa tổng hợp
- B. Hóa phân li
- C. Quang tổng hợp
- D. Quang phân li

Câu 9: Quá trình quang hợp góp phần làm giảm lượng khí nào sau đây trong khí quyển?

- A. Hydrogen.
- C. Nitrogen.

- B. Oxygen.
- D. Carbon dioxide.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Trong quá trình quang hợp, cây hấp thụ khí oxygen tổng hợp chất hữu cơ.
- B. Quang hợp là quá trình sinh vật sử dụng ánh sáng để phân giải chất hữu cơ.
- C. Một trong các sản phẩm của quang hợp là khí oxygen.
- D. Quang hợp là quá trình sinh lí quan trọng xảy ra trong cơ thể mọi sinh vật.

Câu 11: Với cây xanh, quang hợp có những vai trò nào sau đây?

(1) Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của cây.

(2) Điều hoà không khí.

(3) Tạo chất hữu cơ và chất khí.

(4) Giữ ẩm cho cây.

- A. (1), (2).
- B. (1), (3).
- C. (2), (3).
- D. (3), (4).

Câu 12: Bào quan thực hiện quá trình quang hợp là:

- A. Diệp lục
- B. Lục lạp
- C. Khí khổng
- D. Tế bào chất

Câu 13: Quang hợp ở cây xanh là quá trình chuyển hóa năng lượng từ

- A. hóa năng thành quang năng.
- B. quang năng thành hóa năng.
- C. hóa năng thành nhiệt năng.
- D. quang năng thành nhiệt năng.

Câu 14: Quang hợp không có vai trò nào sau đây?

- A. Tổng hợp glucit, các chất hữu cơ, oxi
- B. Biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học
- C. Oxi hóa các hợp chất hữu cơ để giải phóng năng lượng
- D. Điều hòa tỷ lệ khí O_2/CO_2 của khí quyển

Câu 15: Trong các phát biểu sau:

- (1) Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng.
- (2) Cung cấp khí oxygen.
- (3) Điều hòa trực tiếp mực nước biển.
- (4) Tăng hàm lượng khí carbon dioxide trong không khí.

Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của quang hợp?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 1.

Câu 16: Những sinh vật nào sau đây có khả năng quang hợp trong điều kiện có ánh sáng?

- (1) Tảo lục.
- (2) Thực vật.
- (3) Ruột khoang.
- (4) Nấm.
- (5) Trùng roi xanh.

- A. (1), (2), (5).
- B. (1), (2), (3).
- C. (1), (2), (4).
- D. (2), (4), (5).

Câu 17: Đặc điểm nào của lá cây phù hợp với chức năng quang hợp?

1. Lá cây dạng bản dẹt giúp thu nhận được nhiều ánh sáng.
2. Các tế bào ở lớp giữa của lá có nhiều lục lạp.
3. Lục lạp chứa chất diệp lục thu nhận ánh sáng dùng cho tổng hợp chất hữu cơ của lá cây.
4. Khí khổng phân bố trên bề mặt của lá có vai trò chính trong quá trình trao đổi khí và thoát hơi nước.
5. Gân lá (mạch dẫn) có chức năng vận chuyển nước đến lục lạp và vận chuyển chất hữu cơ từ lục lạp về cuống lá, từ đó vận chuyển đến các bộ phận khác của cây.

Số đáp án đúng là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 18: Những nhóm sinh vật nào sau đây có khả năng quang hợp?

- A. Thực vật và vi khuẩn oxi hóa lưu huỳnh
- B. Thực vật, vi khuẩn lam và tảo
- C. Thực vật và nấm
- D. Thực vật và động vật

Câu 19: Bộ phận chính của cây tham gia vào quá trình quang hợp là

- A. lá cây.
- B. thân cây.
- C. rễ cây.
- D. ngọn cây.

Câu 20: Loài sinh vật nào sau đây có khả năng quang hợp?

- A. Cá chép.
- B. Trùng roi.
- C. Voi.

- D. Nấm rơm.

BÀI 25. HÔ HẤP TẾ BÀO

Câu 1: Hô hấp tế bào có vai trò như thế nào trong hoạt động sống của sinh vật?

- A. Cung cấp khí oxygen cho hoạt động sống của sinh vật.
- B. Cung cấp khí carbon dioxide cho hoạt động sống của sinh vật.
- C. Cung cấp năng lượng cho hoạt động sống của sinh vật.
- D. Cung cấp nước và nhiệt cho hoạt động sống của sinh vật.

Câu 2: Nói về hô hấp tế bào, điều nào sau đây không đúng?

- A. Quá trình hô hấp tế bào chủ yếu diễn ra trong nhân tế bào.
- B. Đó là quá trình biến đổi các chất hữu cơ thành carbon dioxide, nước và giải phóng năng lượng.
- C. Nguyên liệu cho quá trình hô hấp là chất hữu cơ và oxygen.
- D. Đó là quá trình chuyển hóa năng lượng rất quan trọng của tế bào.

Câu 3: Hô hấp tế bào là

- A. quá trình tế bào phân giải chất hữu cơ giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.
- B. quá trình tế bào phân giải chất vô cơ giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.
- C. quá trình tế bào phân giải chất hữu cơ giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sinh sản.
- D. quá trình tế bào phân giải chất vô cơ giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sinh trưởng và phát triển.

Câu 4: Ở tảo sự hô hấp hiếu khí diễn ra tại

- A. Tế bào chất
- B. Ti thể
- C. Trong các bào quan

- D. Màng sinh chất

Câu 5: Về mặt năng lượng, hô hấp tế bào và quang hợp có mối quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Năng lượng từ Mặt Trời được sử dụng trong quá trình quang hợp và được lưu trữ trong các liên kết của các phân tử glucose. Trong quá trình hô hấp tế bào, năng lượng này được biến đổi thành các phân tử ATP. Các phân tử ATP này là nguồn năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
- B. Năng lượng chuyển hóa trong quá trình hô hấp tế bào được sử dụng để cung cấp năng lượng cho quá trình quang hợp.
- C. Quang hợp và hô hấp cùng thực hiện nhiệm vụ chuyển hóa năng lượng.
- D. Năng lượng không tham gia vào quá trình quang hợp và hô hấp tế bào.

Câu 6: Biện pháp nào sau đây là hợp lí để bảo vệ sức khỏe hô hấp ở người?

- A. Tập luyện thể thao với cường độ mạnh mỗi ngày.
- B. Ăn thật nhiều thức ăn có chứa glucose để cung cấp nguyên liệu cho hô hấp.
- C. Tập hít thở sâu một cách nhẹ nhàng và đều đặn mỗi ngày.
- D. Để thật nhiều cây xanh trong phòng ngủ.

Câu 7: Quang hợp và hô hấp tế bào khác nhau ở điểm nào?

- A. Quang hợp giải phóng ATP, còn hô hấp tế bào dự trữ ATP.
- B. Quang hợp sử dụng oxygen, còn hô hấp tế bào tạo ra oxygen.
- C. Quang hợp giải phóng năng lượng, còn hô hấp tế bào tích trữ năng lượng.
- D. Quang hợp sử dụng khí carbon dioxide, còn hô hấp tế bào tạo ra khí carbon dioxide.

Câu 8: Hô hấp tế bào là:

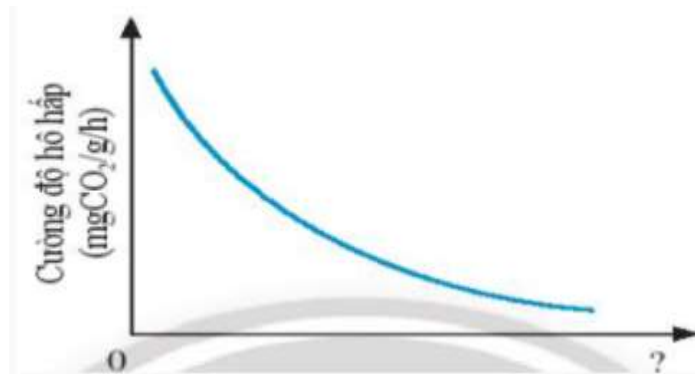
- A. Quá trình chuyển hóa năng lượng của các nguyên liệu hữu cơ thành năng lượng trong tế bào.
- B. Quá trình chuyển hóa năng lượng của các nguyên liệu vô cơ thành năng lượng trong tế bào.
- C. Quá trình tổng hợp vật chất hữu cơ trong tế bào.

- D. Quá trình chuyển hóa vật chất hữu cơ ngoài tế bào thành năng lượng trong tế bào.

Câu 9: Quá trình hô hấp tế bào thải ra môi trường

- A. khí carbon dioxide.
- B. khí oxygen.
- C. khí nitrogen.
- D. khí methane.

Câu 10: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết yếu tố (?) ảnh hưởng đến hô hấp tế bào trong đồ thị ở hình bên dưới là yếu tố nào? Giải thích.



- A. Nhiệt độ.
- B. Nồng độ oxygen.
- C. Hàm lượng nước.
- D. Nồng độ carbon dioxide.

Câu 11: Khi kiểm tra hai loài vi khuẩn khác nhau, các nhà khoa học nhận thấy loài X luôn tạo ra khí carbon dioxide và nước trong quá trình hô hấp tế bào, còn loài Y luôn tạo ra alcohol ethylic và carbon dioxide. Kết luận nào sau đây có thể được đưa ra từ những quan sát này?

- A. Chỉ có loài Y là sinh vật hiếu khí.
- B. Chỉ có loài Y là sinh vật kỵ khí.
- C. Cả hai loài X và Y đều là sinh vật hiếu khí.
- D. Cả hai loài X và Y đều là sinh vật kỵ khí.

Câu 12: Quang hợp và hô hấp tế bào có mối quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Oxygen được tạo ra trong quá trình hô hấp tế bào và được sử dụng trong quá trình quang hợp.
- B. Khí carbon dioxide và nước thải ra do hô hấp tế bào được sử dụng trong quá trình quang hợp.
- C. Năng lượng được giải phóng trong quá trình quang hợp được sử dụng trong quá trình hô hấp tế bào.
- D. Glucose sử dụng trong quá trình hô hấp tế bào để cung cấp cho hoạt động sống của cơ thể được phân hủy trong quá trình quang hợp.

Câu 13: Thế nào là hô hấp tế bào

- A. Là quá trình tổng hợp các chất phức tạp từ chất đơn giản
- B. Là một mặt của quá trình trao đổi chất
- C. Là quá trình chuyển hóa năng lượng trong tế bào
- D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 14: Quá trình chuyển hóa năng lượng nào sau đây diễn ra trong hô hấp tế bào?

- A. Nhiệt năng → hóa năng.
- B. Hóa năng → điện năng.
- C. Hóa năng → nhiệt năng.
- D. Quang năng → hóa năng.

Câu 15: Hô hấp tế bào là quá trình biến đổi

- A. Glucose.
- B. Maltose.
- C. Saccharose.
- D. Cellulose.

Câu 16: Trong cơ thể động vật, hô hấp tế bào diễn ra trong bào quan nào?

- A. Ti thể.
- B. Lục lạp.
- C. Bộ máy gongi.

- D. Ribosome.

Câu 17: Ở tế bào nhân thực, hoạt động hô hấp xảy ra ở

- A. Ti thể
- B. Ribôxôm
- C. Không bào
- D. Lục lạp

Câu 18: Quá trình hô hấp có ý nghĩa

- A. đảm bảo sự cân bằng oxygen và carbon dioxide trong khí quyển.
- B. tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của cơ thể sinh vật.
- C. làm sạch môi trường.
- D. chuyển hóa carbon dioxide thành oxygen.

Câu 19: Nguyên liệu của quá trình hô hấp tế bào là

- A. khí oxygen.
- B. khí carbon dioxide.
- C. nước.
- D. không khí.

Câu 20: Cơ sở khoa học của các biện pháp bảo quản nông sản là

- A. tăng nhẹ cường độ hô hấp tế bào.
- B. giảm nhẹ cường độ hô hấp tế bào.
- C. giảm cường độ hô hấp tế bào tới mức tối thiểu.
- D. tăng cường độ hô hấp tế bào tới mức tối đa.

BÀI 27. TRAO ĐỔI KHÍ Ở SINH VẬT

Câu 1: Chức năng của khí khổng là

- A. trao đổi khí carbon dioxide với môi trường.
- B. trao đổi khí oxygen với môi trường.
- C. thoát hơi nước ra môi trường.

- D. Cả ba chức năng trên.

Câu 2: Trao đổi khí ở phổi là quá trình

- A. Trao đổi khí ở phổi là sự khuếch tán của O_2 từ không khí ở phổi vào máu.
- B. Trao đổi CO_2 từ máu vào không khí ở phổi.
- C. Trao đổi khí ở phổi gồm sự khuếch tán của O_2 từ máu vào không khí ở phổi và của CO_2 từ không khí ở phổi vào máu.
- D. Trao đổi khí ở phổi gồm sự khuếch tán của O_2 từ không khí ở phổi vào máu và của CO_2 từ máu vào không khí ở phổi.

Câu 3: Trong quá trình quang hợp ở thực vật, các khí được trao đổi qua khí khổng như thế nào?

- A. CO_2 và O_2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, hơi nước thoát ra ngoài.
- B. O_2 và CO_2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.
- C. O_2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, CO_2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.
- D. CO_2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, O_2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.

Câu 4: Khi hô hấp, quá trình trao đổi khí diễn ra như thế nào?

- A. Lấy vào khí carbon dioxide, thải ra khí oxygen.
- B. Lấy vào khí oxygen, thải ra khí carbon dioxide.
- C. Lấy vào khí carbon dioxide và hơi nước.
- D. Lấy vào khí oxygen và hơi nước.

Câu 5: Tác nhân nào dưới đây không gây hại cho đường dẫn khí?

- A. Bụi.
- B. Vi khuẩn.
- C. Khói thuốc lá.
- D. Khí oxygen.

Câu 6: Khi chúng ta thở ra thì

- A. cơ liên sườn ngoài co.
- B. cơ hoành co.
- C. thể tích lồng ngực giảm.
- D. thể tích lồng ngực tăng.

Câu 7: Sắp xếp các bộ phận sau theo đúng thứ tự của cơ quan hô hấp ở người: phổi, khí quản, khoang mũi, thanh quản, phế quản.

- A. Khoang mũi, khí quản, thanh quản, phế quản, phổi.
- B. Khoang mũi, thanh quản, khí quản, phế quản, phổi.
- C. Khoang mũi, phế quản, khí quản, thanh quản, phổi.
- D. Khoang mũi, phổi, khí quản, thanh quản, phế quản.

Câu 8: Trao đổi khí ở thực vật diễn ra thông qua quá trình nào?

- A. Quang hợp và thoát hơi nước.
- B. Hô hấp.
- C. Thoát hơi nước.
- D. Quang hợp và hô hấp.

Câu 9: Sự trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường tuân theo cơ chế

- A. khuếch tán.
- B. vận chuyển chủ động.
- C. vận chuyển thụ động.
- D. ngược chiều gradien nồng độ.

Câu 10: Thông thường, các khí khổng nằm tập trung ở bộ phận nào của lá?

- A. Biểu bì lá.
- B. Gân lá.
- C. Tế bào thịt lá.
- D. Trong khoang chứa khí.

Câu 11: Cho các nhận định sau:

1. Khi hô hấp, sinh vật hấp thụ khí oxygen và thải ra khí carbon dioxide.

2. Khi quang hợp, thực vật thu nhận oxygen và thải ra khí carbon dioxide.
3. Khuếch tán là sự di chuyển các phân tử khí từ vùng có nồng độ phân tử khí cao sang vùng có nồng độ phân tử khí thấp.
4. Trao đổi khí diễn ra nhanh khi diện tích khuếch tán lớn.
5. Bề mặt trao đổi khí thường có xu hướng hẹp và mỏng

Số nhận định đúng là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 12: Trao đổi khí ở sinh vật là quá trình

- A. lấy khí O_2 từ môi trường vào cơ thể và thải khí CO_2 từ cơ thể ra môi trường.
- B. lấy khí CO_2 từ môi trường vào cơ thể và thải ra O_2 từ cơ thể ra môi trường.
- C. lấy khí O_2 hoặc CO_2 từ môi trường vào cơ thể, đồng thời thải khí CO_2 hoặc O_2 từ cơ thể ra môi trường.
- D. lấy khí CO_2 từ môi trường vào cơ thể, đồng thời thải khí O_2 và CO_2 ra ngoài môi trường.

Câu 13: Sự trao đổi khí giữa môi trường và mạch máu diễn ra ở đâu?

- A. Phế nang.
- B. Phế quản.
- C. Khí quản.
- D. Khoang mũi.

Câu 14: Ý nghĩa của sự trao đổi khí ở tế bào

- A. Làm tăng nồng độ oxy trong máu
- B. Cung cấp oxygen cho tế bào và loại CO_2 khỏi tế bào
- C. Làm giảm nồng độ CO_2 của máu
- D. Cả A, B và C

Câu 15: Cơ quan thực hiện quá trình trao đổi khí chủ yếu ở thực vật là

- A. khí khổng.
- B. lục lạp.
- C. ti thể.
- D. ribosome.

Câu 16: Oxygen từ phế nang sẽ tiếp tục được chuyển đến

- A. khí quản.
- B. phế quản.
- C. tế bào máu.
- D. khoang mũi.

Câu 17: Trao đổi khí ở sinh vật là

- A. sự trao đổi các chất ở cơ thể với môi trường.
- B. sự trao đổi các chất ở môi trường với cơ thể.
- C. sự trao đổi các chất ở thể khí giữa cơ thể và môi trường.
- D. sự trao đổi các chất ở rắn giữa cơ thể và môi trường.

Câu 18: Bề mặt trao đổi khí thường có xu hướng

- A. rộng và mỏng.
- B. dài và hẹp.
- C. mỏng và hẹp.
- D. dài và mỏng.

Câu 19: Hai tế bào tạo thành khí khổng có hình dạng gì?

- A. Hình yên ngựa.
- B. Hình lõm hai mặt.
- C. Hình hạt đậu.
- D. Có nhiều hình dạng.

Câu 20: Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ máu vào tế bào?

- A. Khí nitrogen
- B. Khí carbon dioxide
- C. Khí oxygen
- D. Khí hydrogen

Câu 21: Quá trình hô hấp có ý nghĩa

- A. Đảm bảo sự cân bằng O_2 và CO_2 trong khí quyển
- B. Tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của các tế bào và cơ thể sinh vật
- C. Làm sạch môi trường
- D. Chuyển hóa glucid thành CO_2 và H_2O

BÀI 28. VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SV

Câu 1: Cây trồng nào dưới đây cần nhiều phân đạm hơn những cây còn lại?

- A. Củ đậu.
- B. Lạc.
- C. Cà rốt.
- D. Rau muống.

Câu 2: Trong các phát biểu dưới đây, có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về phân tử nước?

- (1) Nước được cấu tạo từ hai nguyên tử oxygen liên kết với một phân tử hydrogen.
- (2) Trong phân tử nước, đầu oxygen tích điện âm còn đầu hydrogen tích điện dương.
- (3) Do có hai đầu tích điện trái dấu nhau nên phân tử nước có tính lưỡng tính.
- (4) Nước có thể liên kết với một phân tử bất kì khác.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 3: Cho mệnh đề sau: ... là những chất hay hợp chất hóa học được cơ thể sinh vật lấy từ bên ngoài vào, tham gia đổi mới các thành phần của tế bào hoặc kiến tạo tế bào, tham gia các phản ứng hóa học trong cơ thể, tạo ra năng lượng cho các hoạt động sống.

Điền từ thích hợp vào chỗ ... là

- A. chất khoáng.
- B. chất dinh dưỡng.
- C. chất đường bột.
- D. nước.

Câu 4: Trong quá trình quang hợp ở thực vật, nước đóng vai trò

- A. là dung môi hòa tan khí carbon dioxide.
- B. là nguyên liệu cho quang hợp.
- C. làm tăng tốc độ quá trình quang hợp.
- D. làm giảm tốc độ quá trình quang hợp.

Câu 5: Đặc điểm thể hiện tính phân cực của phân tử nước là

- A. Cặp electron trong liên kết cộng hoá trị bị lệch về phía nguyên tử hydrogen nên đầu mang nguyên tử hydrogen của phân tử nước tích điện âm còn đầu mang nguyên tử oxygen không mang điện tích.
- B. Cặp electron trong liên kết cộng hoá trị chia đều về các phía nên đầu mang nguyên tử hydrogen của phân tử nước tích điện âm còn đầu mang nguyên tử oxygen tích điện dương.
- C. Cặp electron trong liên kết cộng hoá trị bị lệch về phía nguyên tử oxygen nên đầu mang nguyên tử oxygen của phân tử nước tích điện âm còn đầu mang nguyên tử hydrogen tích điện dương.
- D. Cặp electron trong liên kết cộng hoá trị bị lệch về phía nguyên tử hydrogen nên đầu mang nguyên tử hydrogen của phân tử nước tích điện âm còn đầu mang nguyên tử oxygen tích điện dương.

Câu 6: Cơ thể sẽ gặp nguy hiểm nếu không được bổ sung nước kịp thời trong những trường hợp nào dưới đây?

- (1) Sốt cao.
- (2) Đi dạo.
- (3) Hoạt động thể thao ngoài trời với cường độ mạnh.
- (4) Ngồi xem phim.
- (5) Nôn mửa và tiêu chảy.

- A. (1), (2), (5).
- B. (1), (2), (3).
- C. (1), (3), (4).
- D. (2), (4), (5).

Câu 7: Trong quá trình quang hợp ở thực vật nước đóng vai trò

- A. Nguyên liệu
- B. Chất vận chuyển
- C. Dung môi
- D. Chất xúc tác

Câu 8: Khi tìm kiếm sự sống ở các hành tinh khác trong vũ trụ, các nhà khoa học trước hết tìm kiếm xem ở đó có nước hay không vì

- A. nước được cấu tạo từ các nguyên tố quan trọng là oxygen và hydrogen.
- B. nước là thành phần chủ yếu của mọi tế bào và cơ thể sống, giúp tế bào tiến hành chuyển hóa vật chất và duy trì sự sống.
- C. nước là dung môi hòa tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào.
- D. nước là môi trường sống của nhiều loài sinh vật.

Câu 9: Cho mệnh đề sau: Sinh vật không thể sống nếu thiếu nước. Nếu mất đi (1) lượng nước thì hoạt động trao đổi chất sẽ bị rối loạn và nếu mất (2) lượng nước sẽ dẫn đến tử vong. Do đó sinh vật luôn cần phải được cung cấp đủ lượng nước cần thiết để đảm bảo hoạt động ổn định của cơ thể.

Chỗ trống cần điền là

- A. (1) 10%; (2) 21%.

- B. (1) 15%; (2) 20%.
- C. (1) 15%; (2) 21%.
- D. (1) 10%; (2) 20%.

Câu 10: Trong các phát biểu sau đây, có bao nhiêu phát biểu đúng về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật?

- (1) Cung cấp nguyên liệu cấu tạo nên tế bào sinh vật.
- (2) Cung cấp môi trường thuận lợi cho các phản ứng sinh hóa diễn ra.
- (3) Cung cấp năng lượng cho nhiều hoạt động sống của cơ thể.
- (4) Giúp tái tạo các tế bào và làm lành vết thương.
- (5) Giúp cơ thể sinh vật sinh trưởng và phát triển.
- (6) Giúp điều hòa nhiệt độ cơ thể sinh vật.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 11: Loài thực vật nào sau đây có thể thích nghi với môi trường khô hạn, thiếu nước kéo dài?

- A. Sen.
- B. Hoa hồng.
- C. Ngô.
- D. Xương rồng.

Câu 12: Phân tử nước được tạo thành từ

- A. Một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết cộng hoá trị.
- B. Một nguyên tử nitrogen liên kết với ba nguyên tử hydrogen bằng liên kết cộng hoá trị.
- C. Một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết ion.

- D. Một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết hydrogen.

Câu 13: Nước có những vai trò gì đối với cơ thể sinh vật

- (1) Vận chuyển các chất trong cơ thể sinh vật.
- (2) Tạo môi trường liên kết các thành phần khác nhau trong cơ thể.
- (3) Điều hòa thân nhiệt.
- (4) Tạo ra năng lượng cho cơ thể.
- (5) Cung cấp chất dinh dưỡng cho cơ thể sử dụng.
- (6) Môi trường sống cho nhiều loài sinh vật.
- (7) Môi trường hòa tan nhiều chất cần thiết.

- A. (1), (3), (4), (6)
- B. (2), (3), (5), (6), (7)
- C. (1), (2), (3), (6), (7)
- D. (1), (4), (5), (7)

Câu 14: Cây trồng hấp thu các chất khoáng chủ yếu dưới dạng

- A. Tinh thể
- B. Các muối hòa tan
- C. Các hợp chất hữu cơ
- D. Các hợp chất vô cơ

Câu 15: Một số nguyên tố khoáng cây trồng cần một lượng rất nhỏ nhưng không thể thiếu như Cu, B, Mo,... Các nguyên tố này tham gia cấu tạo nên

- A. diệp lục.
- B. các chất hữu cơ xây dựng nên tế bào.
- C. các enzyme xúc tác cho các phản ứng hóa học trong tế bào.
- D. protein và nucleic acid.

Câu 16: Vai trò của nước đối với sự sống là

- A. Dung môi hòa tan
- B. Điều hòa thân nhiệt sinh vật và môi trường
- C. Tạo lực hút mao dẫn, giúp vận chuyển các chất trong mao dẫn
- D. Cả A, B và C

Câu 17: Nước chiếm bao nhiêu phần trăm khối lượng cơ thể sinh vật?

- A. 50%.
- B. 60%.
- C. 70%.
- D. 80%.

Câu 18: Trong cơ thể người, nước không có vai trò là

- A. tạo nước bọt.
- B. điều chỉnh thân nhiệt.
- C. cung cấp năng lượng cho cơ thể.
- D. tạo nên môi trường trong cơ thể.

Câu 19: Nước là dung môi hòa tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

- A. nhiệt dung riêng cao.
- B. liên kết hydrogen giữa các phân tử.
- C. nhiệt bay hơi cao.
- D. tính phân cực.

Câu 20: Cho các tính chất sau:

1. Là một chất lỏng không màu, không mùi, không vị.
2. Sôi ở 100°C, đông đặc ở 0°C.
3. Có thể hòa tan được nhiều chất như muối ăn, đường,...
4. Có thể hòa tan được dầu, mỡ.
5. Có thể tác dụng với nhiều chất hóa học để tạo thành các hợp chất khác.

Các tính chất của nước là

- A. 1, 2, 3, 5.
- B. 1, 2, 3, 4, 5.
- C. 1, 2, 4, 5.
- D. 1, 3, 4, 5.

Câu 21: Chất dinh dưỡng có vai trò như thế nào đối với thực vật

- A. Giúp cây trồng sinh trưởng nhanh, phát triển tốt, cho năng suất cao
- B. Giúp giảm sâu bệnh cho cây trồng
- C. Giúp duy trì năng suất cây trồng qua các thế hệ
- D. Giúp cây trồng không bị thiếu nước, phát triển khỏe mạnh

Câu 22: Dinh dưỡng thực vật là

- A. Ở thực vật, chất dinh dưỡng là các chất hữu cơ, được hấp thụ chủ yếu từ đất
- B. Ở thực vật, chất dinh dưỡng là các chất khoáng, được hấp thụ chủ yếu từ không khí
- C. Ở thực vật, chất dinh dưỡng là các chất khoáng, được hấp thụ chủ yếu từ đất
- D. Ở thực vật, chất dinh dưỡng là các chất khoáng, được phân giải và hấp thụ trực tiếp từ sinh vật.

BÀI 29. TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG Ở THỰC VẬT

Câu 1: Nhu cầu nước của cây thấp nhất trong điều kiện thời tiết nào dưới đây?

- A. Mùa hè, nhiệt độ cao, độ ẩm trung bình.
- B. Mùa thu, nhiệt độ trung bình, độ ẩm trung bình.
- C. Mùa đông, nhiệt độ thấp, độ ẩm thấp.
- D. Mùa xuân, nhiệt độ trung bình, độ ẩm cao.

Câu 2: Ở thực vật, các chất nào dưới đây thường được vận chuyển từ rễ lên lá?

- A. Chất hữu cơ và chất khoáng.
- B. Nước và chất khoáng.
- C. Chất hữu cơ và nước.

- D. Nước, chất hữu cơ và chất khoáng.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về mạch rây?

- A. Mạch rây có vai trò vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên thân và lá.
- B. Mạch rây gồm các tế bào sống, thiếu đi một số các bào quan.
- C. Mạch rây vận chuyển chất hữu cơ từ lá cung cấp cho các cơ quan của cây.
- D. Trong cây, mạch rây vận chuyển các chất theo dòng đi xuống.

Câu 4: Hoạt động hấp thu nước của cây chủ yếu diễn ra ở cơ quan nào

- A. Rễ
- B. Thân
- C. Lá
- D. Chồi non

Câu 5: Lông hút ở rễ có nguồn gốc từ đâu?

- A. Do các tế bào ở phần trụ giữa kéo dài ra hình thành.
- B. Do các tế bào biểu bì kéo dài ra hình thành.
- C. Do các tế bào ở vỏ kéo dài ra hình thành.
- D. Do các tế bào mạch gỗ và mạch rây kéo dài ra hình thành.

Câu 6: Khi đưa cây đi trồng nơi khác, người ta thường làm gì để tránh cho cây không bị mất nước?

- A. Nhúng ngập cây vào nước.
- B. Tỉa bớt cành, lá.
- C. Cắt ngắn rễ.
- D. Tưới đẫm nước cho cây.

Câu 7: Phân bón có vai trò gì đối với thực vật?

- A. Cung cấp các nguyên tố khoáng cho các hoạt động sống của cây.
- B. Đảm bảo cho quá trình thoát hơi nước diễn ra bình thường.
- C. Tạo động lực cho quá trình hấp thụ nước ở rễ.
- D. Cung cấp chất dinh dưỡng cho các sinh vật sống trong đất phát triển.

Câu 8: Tế bào đảm nhận chức năng hấp thu nước của cây là

- A. Tế bào mô dậu
- B. Tế bào khí khổng
- C. Tế bào mô phân sinh
- D. Tế bào lông hút

Câu 9: Hiện tượng nào dưới đây cho thấy sự vận chuyển chất hữu cơ theo mạch rây từ lá đến các bộ phận khác của cây?

- A. Mép lá có các giọt nước nhỏ vào những ngày độ ẩm không khí cao.
- B. Khi cắt bỏ một khoanh vỏ ở thân cây thì sau một thời gian, phần mép vỏ phía trên bị phình to.
- C. Lá cây bị héo quắt do Mặt Trời đốt nóng.
- D. Nhựa rỉ ra từ gốc cây bị chặt bỏ thân.

Câu 10: Quá trình thoát hơi nước không có ý nghĩa nào trong các đáp án sau đây?

- A. Tạo động lực cho sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ và mạch rây.
- B. Điều hòa nhiệt độ bề mặt lá.
- C. Giúp khuếch tán khí CO_2 vào trong lá để cung cấp cho quá trình quang hợp.
- D. Giúp khuếch tán khí O_2 từ trong lá ra ngoài môi trường.

Câu 11: Vai trò của bộ rễ với thực vật là

- A. Là cơ quan hấp thụ nước ở thực vật
- B. Cố định cây trên mặt đất, giúp cây đứng vững
- C. Dự trữ chất dinh dưỡng ở thực vật (rễ biến dạng - rễ củ)
- D. Cả ý A, B và C

Câu 12: Giải thích tại sao nên di chuyển cây đi trồng nơi khác vào ngày trời râm, mát, tưới bớt lá và cành cây.

(1) Khi di chuyển cây có thể khiến bộ rễ của cây tổn thương, ảnh hưởng đến quá trình hút nước của cây

(2) Trời nắng nóng khiến cây phải thoát hơi nước mạnh để điều hòa kiến cây dễ mất nước khô héo.

(3) tưới gọn cành cây giúp dễ vận chuyển cây trong quá trình dời vị trí trồng.

(4) Tỉa bớt là cành giúp cây giảm số lượng khí khổng, giảm thoát hơi nước, tránh hiện tượng mất nước.

- A. (1), (2), (3)
- B. (2), (3), (4)
- C. (1), (3), (4)
- D. (1), (2), (4)

Câu 13: Cơ quan đảm nhận chức năng thoát hơi nước ở thực vật là

- A. Rễ
- B. Thân
- C. Lá
- D. Khí khổng

Câu 14: Tại sao mùa hè nắng nóng nhiệt độ dưới bóng cây luôn mát mẻ và dễ chịu hơn?

- A. Bóng cây giúp chắn tia nắng mặt trời chiếu trực tiếp lên cơ thể
- B. Bóng cây có nhiều tầng lá xếp chồng giúp ngăn cách nhiệt độ môi trường với nhiệt độ dưới tán cây
- C. Khi nắng to khí khổng thoát hơi nước giúp điều hòa nhiệt độ cho cây, khiến nhiệt độ dưới bóng cây luôn thấp hơn nhiệt độ môi trường 1 - 2°C
- D. Màu xanh kích thích thị giác khiến chúng ta cảm thấy mát mẻ và dễ chịu hơn

Câu 15: Trong các loài thực vật sau đây, loài nào có rễ dài nhất?

- A. Cây dừa.
- B. Cây cà chua.
- C. Cây cỏ lạc đà.
- D. Cây lúa nước.

Câu 16: Nước và muối khoáng từ môi trường ngoài được rễ hấp thụ nhờ

- A. lông hút.
- B. vỏ rễ.
- C. mạch gỗ.

- D. mạch rây.

Câu 17: Một cành hoa bị héo sau khi được cắm vào nước một thời gian thì cành hoa tươi trở lại. Cấu trúc nào sau đây có vai trò quan trọng trong hiện tượng trên?

- A. Mạch rây.
- B. Mạch gỗ.
- C. Lông hút.
- D. Vỏ rễ.

Câu 18: Sự thoát hơi nước của cây đóng vai trò

- A. Tạo lực kéo giúp vận chuyển dòng nước và các chất khoáng từ rễ lên lá và đến các bộ phận khác của cây trên mặt đất.
- B. Tạo lực hút giúp vận chuyển dòng nước và các chất dinh dưỡng từ lá và đến các bộ phận khác của cây.
- C. Tạo lực đẩy giúp vận chuyển dòng nước và các chất dinh dưỡng từ lá và đến các bộ phận khác của cây.
- D. Tạo lực đẩy giúp vận chuyển dòng nước và các chất khoáng từ rễ lên lá và đến các bộ phận khác của cây trên mặt đất.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về mạch gỗ?

- A. Mạch gỗ là các tế bào sống, có vai trò vận chuyển nước và muối khoáng.
- B. Mạch gỗ gồm các tế bào chết, có vai trò vận chuyển nước và muối khoáng.
- C. Mạch gỗ gồm các tế bào chết, vận chuyển chất hữu cơ và nước cung cấp cho các cơ quan.
- D. Mạch gỗ là các tế bào sống, có thành tế bào dày, có đầy đủ các bào quan.

Câu 20: Cho các đặc điểm sau:

- (1) Được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- (2) Tốc độ thoát hơi nước nhanh.
- (3) Không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- (4) Tốc độ thoát hơi nước chậm.

Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có những đặc điểm nào?

- A. (1), (2).
- B. (2), (3).
- C. (3), (4).
- D. (1), (4).

Câu 21: Để cây trồng phát triển tốt, cho năng suất cao cần và tưới nước hợp lí cho cây

- A. Trồng đúng thời vụ
- B. Bón phân
- C. Chọn giống
- D. Cắt tỉa

Câu 22: Để cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao cần

- A. cần tăng cường bón phân và cung cấp nước tối đa cho cây trồng
- B. cần tăng lượng phân bón tối đa, giảm lượng nước tưới tối thiểu cho cây
- C. cần căn cứ vào những nhu cầu này để tưới nước, bón phân hợp lí.
- D. cần giảm lượng phân bón tối thiểu, tăng lượng nước tưới tối đa cho cây

Câu 23: Ánh sáng chủ yếu ảnh hưởng đến quá trình thoát hơi nước ở lá với vai trò

- A. điều kiện để diễn ra quá trình quang hợp.
- B. nhiệt độ cao làm tăng nhanh quá trình thoát hơi nước.
- C. là tác nhân gây mở khí khổng.
- D. nhiệt độ cao làm giảm mạnh quá trình thoát hơi nước.

BÀI 30. TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG Ở ĐV

Câu 1: Các chất dinh dưỡng được biến đổi trong hệ tiêu hóa sẽ được hấp thụ vào cơ thể người qua

- A. Máu
- B. Thành dạ dày
- C. Dịch tiêu hóa

- D. Ruột già

Câu 2: Hoạt động nào sau đây giúp bảo vệ tim và mạch máu?

- (1) Hạn chế ăn thức ăn nhiều dầu mỡ.
- (2) Thường xuyên sử dụng các chất kích thích như rượu, bia, thuốc lá.
- (3) Lao động vừa sức, nghỉ ngơi hợp lí.
- (4) Giữ tinh thần lạc quan, vui vẻ.
- (5) Thường xuyên kiểm tra huyết áp.
- (6) Kiểm tra sức khoẻ định kì.

- A. (1), (3), (4), (5), (6).
- B. (1), (2), (3), (5), (6).
- C. (1), (2), (4).
- D. (1), (2), (5), (6).

Câu 3: Cơ thể chúng ta thông thường bổ sung nước bằng cách

- A. qua thức ăn và đồ uống.
- B. qua tiêu hóa và hô hấp.
- C. qua sữa và trái cây.
- D. qua thức ăn và sữa.

Câu 4: Thức ăn từ ngoài đi vào trong cơ thể thông qua

- A. miệng.
- B. thực quản.
- C. dạ dày.
- D. ruột non.

Câu 5: Quá trình tiêu hóa và hấp thụ thức ăn của động vật diễn ra ở

- A. Hệ tuần hoàn
- B. Hệ hô hấp
- C. Hệ tiêu hóa

- D. Hệ thần kinh

Câu 6: Cho các yếu tố sau:

1. Loài
2. Kích thước cơ thể
3. Độ tuổi
4. Thức ăn
5. Nhiệt độ của môi trường

Trong các yếu tố kể trên, yếu tố nào ảnh hưởng đến nhu cầu nước của cơ thể động vật và người.

- A. 1, 2, 3, 4, 5.
- B. 1, 2, 4, 5.
- C. 1, 3, 4, 5.
- D. 1, 2, 3, 4.

Câu 7: Các hoạt động nào sau đây giúp bảo vệ hệ tiêu hoá khoẻ mạnh?

- (1) Rửa tay trước khi ăn.
- (2) Ăn chín, uống sôi.
- (3) Ăn thịt, cá tái để không bị mất chất dinh dưỡng trong quá trình chế biến.
- (4) Không ăn thức ăn đã bị ôi thiu.
- (5) Vừa ăn vừa tranh thủ đọc sách, xem ti vi để tiết kiệm thời gian.
- (6) Ăn tối muộn để cung cấp chất dinh dưỡng cho cơ thể khi ngủ.

- A. (1), (2), (3), (4), (5), (6).
- B. (1), (2), (3), (5), (6).
- C. (1), (2), (4).
- D. (1), (2), (5), (6).

Câu 8: Sinh vật nào sau đây có hệ tuần hoàn kín, hai vòng tuần hoàn?

- (1) cá

(2)Ếch

(3) Người

(4) Thằn lằn

(5) Giun đất

(6) Chim bồ câu

- A. (1), (2), (3), (6)
- B. (2), (3), (4), (5)
- C. (2), (3), (4), (6)
- D. (1), (2), (5), (6)

Câu 9: Nước chiếm bao nhiêu phần trăm trong cơ thể người?

- A. 60 - 75%.
- B. 75 - 80%.
- C. 85 - 90%
- D. 55 - 60%.

Câu 10: Các cơ quan đảm nhận sự đào thải nước của cơ thể là?

(1) Phổi

(2) Tuyến mồ hôi trên da

(3) Cơ quan bài tiết nước tiểu

(4) Hệ tuần hoàn

- A. (1), (2)
- B. (2), (4)
- C. (2), (3)
- D. (1), (4)

Câu 11: Cho các dữ kiện sau:

(1) có thể tự tổng hợp chất hữu cơ cần thiết bằng cách quang hợp khi có ánh sáng.(2) không thể tổng hợp chất hữu cơ mà phải lấy chất hữu cơ có sẵn trong

thức ăn làm nguyên liệu tổng hợp chất cần thiết cho cơ thể. Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện các dữ kiện trên.

- A. (1) Thực vật, (2) Động vật.
- B. (1) Động vật, (2) Thực vật.
- C. (1) Thực vật, (2) Nguyên sinh vật.
- D. (1) Động vật, (2) Nguyên sinh vật.

Câu 12: Vì sao chúng ta nên ăn đa dạng các loại thức ăn mà không nên chỉ ăn một loại thức ăn?

- A. Giúp chúng ta ăn ngon miệng hơn
- B. Cần cung cấp đa dạng các chất dinh dưỡng cho cơ thể
- C. Cần phối hợp hợp lí các loại thức ăn để tránh gây ngộ độc
- D. Giúp cơ thể hấp thu các chất dinh dưỡng tốt hơn

Câu 13: Các chất cặn bã của quá trình tiêu hóa được đào thải qua:

- A. Ruột già
- B. Hậu môn
- C. Đại tràng
- D. Tá tràng

Câu 14: Theo khuyến nghị của Viện Dinh dưỡng Quốc gia, trẻ vị thành niên nên bổ sung nước theo tỉ lệ 40 mL/kg cân nặng. Dựa vào khuyến nghị trên, em hãy tính lượng nước mà một học sinh lớp 8 có cân nặng 50 kg cần uống trong một ngày.

- A. 2 000 mL.
- B. 1 500 mL.
- C. 1000 mL.
- D. 3 000 mL.

Câu 15: Trong trường hợp nào sau đây con người cần phải truyền nước?

- A. Khi bị sốt cao hoặc bị tiêu chảy.
- B. Khi bị sốt cao hoặc đau dạ dày.
- C. Khi bị sốt cao hoặc làm việc mệt nhọc.

- D. Khi bị tiêu chảy hoặc làm việc mệt nhọc.

Câu 16: Người trưởng thành cần cung cấp trung bình bao nhiêu lít nước mỗi ngày?

- A. 1,5 – 2 L.
- B. 0,5 – 1 L.
- C. 2 – 2,5 L.
- D. 2,5 – 3 L.

Câu 17: Hệ cơ quan đảm nhận chức năng vận chuyển các chất dinh dưỡng trong cơ thể động vật là

- A. Hệ tuần hoàn
- B. Hệ hô hấp
- C. Hệ tiêu hóa
- D. Hệ bài tiết

Câu 18: Nước được hấp thụ diễn ra ở hệ cơ quan nào của sinh vật?

- A. Hệ hô hấp
- B. Hệ tuần hoàn
- C. Hệ vận động
- D. Hệ tiêu hóa

Câu 19: Các chất nào sau đây được hệ tuần hoàn vận chuyển đến các cơ quan bài tiết?

- A. Nước, CO_2 , kháng thể.
- B. CO_2 , các chất thải, nước.
- C. CO_2 , hormone, chất dinh dưỡng.
- D. Nước, hormone, kháng thể.

Câu 20: Trung bình mỗi ngày một người nặng 50 kg cần khoảng bao nhiêu nước?

- A. 2,5 lít.
- B. 2 lít.
- C. 1,5 lít.
- D. 1 lít.

Câu 21: Trong cơ thể động vật nước được hấp thụ chủ yếu trong cơ quan nào?

- A. Ruột già
- B. Hậu môn
- C. Đại tràng
- D. Tá tràng